

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 30

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp thịt heo, khoai lang, nắm bào ngư, bột năng, trứng gà, hành lá, ngò rí
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò kho đậu hủ non, cà chua, hành lá
- Canh cua đồng nấu rau mồng tơi, nắm kim châm, hành ngò
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Cháo tôm tươi, bí đỏ, nắm đùi gà, rau cải thìa

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối lot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
8	0649	Bột năng	300	4,675	14,025
9	0031	Khoai lang	300	4,200	12,600
10	N0778	Nắm bào ngư	100	13,130	13,130
11	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
12	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,480	73,920
13	N0821	Đậu hủ non (đậu phụ non)	300	8,066.7	24,200
14	0087	Cà chua	300	7,880	23,640
15	0286	Thịt bò loại II	1,000	36,750	367,500
16	0163	Rau mồng tơi	600	4,100	24,600
17	N0965	Nắm kim châm	100	10,610	10,610
18	0407	Cua đồng	300	19,950	59,850
19	0002	Gạo nếp (loại thường)	300	3,050	9,150
20	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	4,200	8,400
21	0097	Cải thìa (cải trắng)	100	5,040	5,040
22	0635	Nắm đùi gà	100	11,450	11,450
23	0424	Tôm sú	300	32,030	96,090
24	0455	Sữa chua	1,500	9,440	141,600
25	0457	Sữa bột toàn phần	514.1	20,500	105,391
Tổng chợ					1,110,001

Tổng tiền thực phẩm	1,110,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,110,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	10,249,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	10,249,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan